TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:73/2022/QĐST- HNGĐ	*Văn Giang, ngày 22 tháng 09 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 4; Điều 6; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 08 năm 2022 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lê Quang T**, sinh năm: 1979
- Chị **Đào Thị L**, sinh năm: 1988

Đều có HKTT, hiện trú tại: Thôn NV, xã LH, huyện VG, tỉnh HY

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Con chung của anh T và chị L)**:** - Cháu Lê Thị Kiều C, sinh ngày: 02/9/2005

- Cháu Lê A, sinh ngày: 21/6/2013
- Cháu Lê Thiên Hồng A1, sinh ngày: 31/12/2015.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu C, cháu A và cháu Hồng A1: Chị Đào Thị L

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang T và chị Đào Thị L kết hôn trên tinh thần cả hai bên đều tự nguyện, đăng ký tại UBND xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên vào năm 2004. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra xung đột cãi vã do tính cách bất đồng, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hai bên gia đình đã động viên, khuyên nhủ nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện và ngày càng trầm trọng. Nay anh T và chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh anh T và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh T và chị L là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh T và chị L.

[2] Về con chung: Anh Lê Quang T và chị Đào Thị L đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Thị Kiều C sinh ngày 02/9/2005, Lê A sinh ngày 21/6/2013 và cháu Lê Thiên Hồng A1 sinh ngày 31/12/2015.

Ly hôn, anh T và chị L thỏa thuận giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung của vợ chồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Anh Lê Quang T và chị Đào Thị L đều không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Lê Quang T tự nguyện nộp tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang T và chị Đào Thị L thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Quang T và chị Đào Thị L đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Thị Kiều C sinh ngày 02/9/2005, Lê A sinh ngày 21/6/2013 và cháu Lê Thiên Hồng A1 sinh ngày 31/12/2015.

Ly hôn, anh T và chị L thỏa thuận giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung của vợ chồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở anh T thăm nom con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Anh Lê Quang T và chị Đào Thị L đều không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Quang T tự nguyện nộp 300.000đ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010719 ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Bùi Vũ Thu Giang